

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 24/3/2022

V/v “Ly hôn giữa  
chị P và anh Thanh”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Gắng

Ông Võ Tấn Sĩ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan– Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu:* Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 209/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Trúc P, sinh năm 1996

Trú tại: 32 đường N, P. TN, TP. Q, tỉnh Bình Định. Có mặt

**2. Bị đơn:** Anh Võ Minh T, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn 2, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt không có lý do

**NHẬN THẤY:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 01/9/2020, phiên hòa giải ngày 19/01/2022 cũng như tại phiên phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc P trình bày:* Chị P và anh Võ Minh Thanh kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hải vào năm 2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Thanh thường xuyên uống rượu bê tha, bỏ bê vợ con. Chị P phải dẫn con chung Võ Thụy Bảo T1 về phía cha, mẹ chị P ở Quy Nhơn, tỉnh Bình Định sinh sống đến nay, không có qua lại gì với nhau nên chị P cảm thấy tình cảm giữa chị và anh Thanh thật sự không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Thanh.

Về con chung: Chị P và anh Thanh có 02 con chung tên Võ Thụy Bảo T1, sinh năm 2016 và Võ Minh P2, sinh năm 2018, chị P yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1, anh Thanh nuôi dưỡng cháu P2, không ai phải cấp dưỡng nuôi cho ai

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn: anh Võ Minh T được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Ngày 14/01 và ngày 19/01 năm 2022 Tòa án nhân thị xã Sông Cầu lập biên bản không tiến hành hòa giải được

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Trúc P đối với anh Võ Minh T, con chung: giao con chung tên Võ Thụy Bảo T1, sinh năm 2016 cho chị P nuôi dưỡng, giao con chung tên Võ Minh P2, sinh năm 2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, tài sản chung và nợ chung chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:** Chị Phạm Thị Trúc P xin ly hôn anh Võ Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 27 và điểm a khoản 1 Điều 33 BLTTDS, anh T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 2, xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án anh Võ Minh T có mặt ở nhà cũng như địa P, nhưng không gặp cán bộ Tòa án để làm việc và nhận văn bản nên đã tổng đạt cho bà Nguyễn Thị Minh mẹ đẻ anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Võ Minh T theo khoản 3 Điều 228 của BLTTDS

**[3] Về hôn nhân:** Chị Phạm Thị Trúc P và anh Võ Minh T kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58/2015 ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Xét mối quan hệ hôn nhân giữa Phạm Thị Trúc P và anh Võ Minh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chung xảy ra mâu thuẫn, chị P bỏ về phía cha, mẹ chị P ở Quy Nhơn, tỉnh Bình Định sinh sống từ năm 2019 đến

nay, hai bên không còn qua lại với nhau, đều đó cho thấy tình cảm giữa chị P và anh T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Trúc P là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

**[4] Về con chung:** Chị Phạm Thị Trúc P yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Võ Thụy Bảo T1, sinh năm 2016, anh T nuôi dưỡng cháu Võ Minh P2, sinh năm 2018, việc chị P tự nguyện giao cho anh T nuôi dưỡng cháu P2 là tự nguyện và cháu P2 lâu nay sống với anh T, còn cháu T1 từ khi chị P và anh T không còn chung sống với nhau nữa thì chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nên giao cháu Võ Thụy Bảo T1, sinh năm 2016 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Võ Minh P2, sinh năm 2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

**[5] Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Phạm Thị Trúc P xác định không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6] Về án phí:** Chị Phạm Thị Trúc P phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: vào điểm b khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Trúc P đối với anh Võ Minh T

2.Về con chung: Chị Phạm Thị Trúc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Thụy Bảo T1, sinh năm 2016 ( giới tính Nữ). Anh Võ Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh P2, sinh năm 2018 ( giới tính: Nam). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị P và anh T được quyền đi lại thăm nom con chung (T1 và P2) không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị Trúc P xác định không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí: Chị Phạm Thị Trúc P phải chịu 300.000đ ( *Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ ( *Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 005103 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu. Chị P đã nộp đủ án phí

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND TX. Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu (1);
- Các đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Ấn văn (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Hoàng**